

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nhi.

2. Ông Nguyễn Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 389/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 66a/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/11/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 275/TB-TA ngày 22/11/2021. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Bích G, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Vũ L trình bày: Anh L và chị G do quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh ở ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, đôi lúc chỉ có cãi vã nhau nhưng từ tháng 3 năm 2015 (âl) phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân mất hạnh phúc là do chị G xin về nhà cha mẹ ruột ở ấp M1, xã M, huyện C, tỉnh An Giang để dự đám giỗ và kêu anh đi cùng nhưng sau khi đám giỗ xong thì anh về nhà bên gia đình anh trước, còn chị G không đồng ý trở về nhà, sau đó anh trở lại quê vợ ở tỉnh An Giang để rước chị G và con anh về nhưng chị G cũng không chịu về, đến năm 2016 anh có đến nhà vợ một lần nữa để rước vợ về nhà sống chung nhưng chị G vẫn không đồng ý mà không nói rõ lý do. Do đó, vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, chị G đã trở về nhà cha mẹ ruột ở ấp M1, xã M, huyện C, tỉnh An Giang sinh sống từ tháng 3 năm 2015 (âl) nhưng sau đó chị G đi làm gì và sinh sống nơi đâu thì anh không biết. Thời gian ly thân, anh và chị G cũng không có gặp gỡ để bàn bạc thỏa thuận hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị G để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 02/02/2013, hiện con đang sống chung với anh và ông bà nội của cháu khi cháu H còn nhỏ cho đến nay. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn chị Trần Thị Bích G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Vũ L; về con chung: anh Nguyễn Vũ L được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 02/02/2013, chị Trần Thị Bích G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Vũ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Thị Bích G vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị G là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Vũ L và chị Trần Thị Bích G trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2012. Xét thấy, hôn nhân của anh L và chị G đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật

hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh L và chị G có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc anh L xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh L cho rằng: nguyên nhân chủ yếu vợ chồng mất hạnh phúc là do từ tháng 3 năm 2015 (âl) chị G xin về nhà cha mẹ ruột ở ấp M1, xã M, huyện C, tỉnh An Giang để dự đám giỗ và kêu anh đi cùng nhưng sau khi đám giỗ xong thì anh về nhà bên gia đình anh trước, còn chị G không đồng ý trở về nhà, sau đó anh trở lại quê chị G ở tỉnh An Giang để rước chị G và con anh về nhưng chị G cũng không chịu về, đến năm 2016 anh có đến nhà cha mẹ ruột chị G một lần nữa để rước chị G về nhà sống chung nhưng chị G vẫn không đồng ý mà không nói rõ lý do; từ đó dẫn đến việc anh và chị G đã ly thân nhau từ tháng 3 năm 2015 (âl) cho đến nay. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời anh L và chị G đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhưng chị G vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ chị G không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với anh L. Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thì anh L và chị G đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: anh L và chị G là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà anh chị lại bỏ mặc nhau, sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: thời gian sống chung, anh L và chị G có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 02/02/2013, hiện tại cháu H đang sống chung với anh L. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: từ năm 2015 khi chị G và anh L ly thân cho đến nay cháu H sống chung với anh L, tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên đề ngày 29/4/2021 thì cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với anh L; trong quá trình giải quyết vụ án, chị G cũng không có văn bản trình bày ý kiến tranh chấp về nuôi con chung với anh L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, sự phát triển tốt về tinh thần và đảm bảo việc học hành cho cháu H nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh L được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc anh L không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: anh L trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị G cũng không có văn bản trình bày ý kiến và đơn tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn với anh L nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung: anh L trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị G cũng không có văn bản trình bày là chị và anh L có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh L phải chịu do anh L yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Vũ L. Anh Nguyễn Vũ L và chị Trần Thị Bích G được ly hôn với nhau.

Về con chung: sau khi ly hôn, anh Nguyễn Vũ L được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 02/02/2013, hiện cháu H đang sống chung với anh L; chị Trần Thị Bích G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh L trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Vũ L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005993 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên anh không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và
THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã M,
huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt